

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang đã chuẩn hoá về nội dung**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1088/QĐ-BTP ngày 18 tháng 5 năm 2016 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi trong lĩnh vực chứng thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 2007/QĐ-BTP ngày 26 tháng 9 năm 2016 của Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực luật sư, tư vấn pháp luật, công chứng, giám định tư pháp, bán đấu giá tài sản, trọng tài thương mại, quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính (54 thủ tục) và bãi bỏ (56 thủ tục) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư Pháp tỉnh Tiền Giang đã chuẩn hoá về nội dung (*Lĩnh vực Công chứng, Lĩnh vực chứng thực, Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản, Lĩnh vực bán đấu giá tài sản*) (*Nội dung các thủ tục hành chính được chuyển qua Văn phòng điện tử*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2408/QĐ-UBND ngày 26/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang đã chuẩn hóa về nội dung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KS TTHC);
- CT, các PCT;
- Sở Tư pháp (P. KSTTHC);
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC (S).

3/17

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phal
Lê Văn Nghĩa

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ TƯ PHÁP TỈNH TIỀN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 63 /QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
I. LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG		
01	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Quyết định 2007/QĐ-BTP ngày 26/9/2016 và Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
02	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	nt
03	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	nt
04	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp Người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	nt
05	Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng	nt
06	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	nt
07	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	nt
08	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)	nt
09	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự	nt
10	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	nt
11	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	nt
12	Cấp lại Thẻ công chứng viên	nt
13	Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên	nt

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
14	Thành lập Văn phòng công chứng	nt
15	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	nt
16	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	nt
17	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)	nt
18	Thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng	nt
19	Hợp nhất Văn phòng công chứng	nt
20	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	nt
21	Sáp nhập Văn phòng công chứng	nt
22	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	nt
23	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	nt
24	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	nt
25	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	nt
26	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	nt
27	Thành lập Hội công chứng viên	nt
28	Công chứng bản dịch	nt
29	Cấp bản sao văn bản công chứng	nt
30	Công chứng hợp đồng, giao dịch soạn thảo sẵn	nt
31	Công chứng hợp đồng, giao dịch do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng	nt
32	Công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	nt
33	Công chứng Hợp đồng ủy quyền	nt
34	Công chứng Di chúc	nt
35	Công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản	nt
36	Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản	nt
37	Công chứng văn bản khai nhận di sản	nt
38	Công chứng văn bản từ chối nhận di sản	nt
39	Nhận lưu giữ di chúc	nt
II. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC		
01	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do	Quyết định số

Stt	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
	cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	1088/QĐ-BTP ngày 18/5/2016
02	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	nt
III. QUẢN TÀI VIÊN VÀ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN		
01	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Quyết định số 2007/QĐ-BTP ngày 26/9/2016
02	Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	nt
03	Thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	nt
04	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản	nt
05	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	nt
06	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	nt
07	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	nt
08	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên	nt
09	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	nt
10	Gia hạn việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	nt
11	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên	nt
12	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	nt
IV. LĨNH VỰC BÁN ĐẦU GIÀ TÀI SẢN		
01	Đăng ký danh sách đầu giá viên	Quyết định số 2007/QĐ-BTP ngày 26/9/2016

B. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang:

Số TT	Số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
I. LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG			
01		Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016
02		Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	nt
03		Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	nt
04		Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp Người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	nt
05		Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng	nt
06		Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	nt
07		Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	nt
08		Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)	nt
09		Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự	nt
10		Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	nt
11		Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	nt
12		Cấp lại Thẻ công chứng viên	nt
13		Tạm đình chỉ hành nghề công chứng	nt
14		Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên	nt
15		Hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ hành	nt

		nghe công chứng	
16		Thành lập Văn phòng công chứng	nt
17		Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	nt
18		Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	nt
19		Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)	nt
20		Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp bị thu hồi Quyết định cho phép thành lập)	nt
21		Thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng	nt
22		Hợp nhất Văn phòng công chứng	nt
23		Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	nt
24		Sáp nhập Văn phòng công chứng	nt
25		Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	nt
26		Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	nt
27		Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	nt
28		Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	nt
29		Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	nt
30		Thành lập Hội công chứng viên	nt
31		Công chứng bản dịch	nt
32		Cấp bản sao văn bản công chứng	nt
33		Công chứng hợp đồng, giao dịch soạn thảo sẵn	nt
34		Công chứng hợp đồng, giao dịch do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng	nt
35		Công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	nt
36		Công chứng Hợp đồng ủy quyền	nt
37		Công chứng Di chúc	nt
38		Công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản	nt

39		Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản	nt
40		Công chứng văn bản khai nhận di sản	nt
41		Công chứng văn bản từ chối nhận di sản	nt
42		Nhận lưu giữ di chúc	nt
II. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC			
01		Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.	nt
02		Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	nt
III. LĨNH VỰC BỔ TRỢ TƯ PHÁP			
01		Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016
02		Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	nt
03		Thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	nt
04		Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	nt
05		Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	nt
06		Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	nt
07		Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	nt
08		Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên	nt
09		Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý,	nt

		thanh lý tài sản	
10		Gia hạn quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	nt
11		Hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trước thời hạn đối với Quản tài viên	nt
12		Hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản trước thời hạn đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	nt

